TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Cai Thành Minh.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, SN: 1986
  Trú tại: thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Anh Trương Ngọc T, SN: 1981
  Trú tại: thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định
  (Chị H có mặt, anh T vắng mặt không có lý do))

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Chị với anh Trương Ngọc T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T ngày 14/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con mà chị cố gắng chịu đựng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, anh T không chăm lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu gây sự đánh đập chị. Hiện nay vợ chồng chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Ngọc T.

Chị với anh Trương Ngọc T có 03 người con chung tên là Trương Thị Kiều M, sinh ngày 05/8/2005, Trương Thị Thúy K, sinh ngày 05/8/2005 và Trương Đăng Kh, sinh ngày 31/3/2014. Hiện tại sức khỏe các cháu phát triển bình thường, cháu K, cháu Kh đang ở với chị, còn cháu M đang ở với anh T. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn chị xin nhận nuôi cháu K, cháu Kh và giao anh T nuôi cháu M. Nghĩa vụ cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Trương Ngọc T trình bày:

Anh với chị Mai Thị H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T ngày 14/10/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, lúc nóng giận anh có đánh bạt tai chị H, chị H đi làm công nhân nên anh nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hiện nay vợ chồng anh sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng, anh vẫn còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Anh với chị Mai Thị H có 03 người con chung tên là Trương Thị Kiều M, sinh ngày 05/8/2005, Trương Thị Thúy K, sinh ngày 05/8/2005 và Trương Đăng Kh, sinh ngày 31/3/2014. Hiện tại sức khỏe các cháu phát triển bình thường, cháu M đang ở với anh, còn cháu K, cháu Kh đang ở với chị H. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn anh xin nhận nuôi cháu M và giao chị H nuôi cháu K, cháu Kh. Nghĩa vụ cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:

Về tố tụng: việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị H kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trương Ngọc T vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị H được ly hôn anh T, giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thúy K, sinh ngày 05/8/2005 và Trương Đăng Kh, sinh ngày 31/3/2014 và giao cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Kiều M, sinh ngày 05/8/2005. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Mai Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Ngọc T. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị H được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Trương Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Mai Thị H với anh Trương Ngọc T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T ngày 14/10/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh T được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con mà chị cố gắng chịu đựng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, anh T không chăm lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu gây sự đánh đập chị. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm

trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Ngọc T. Anh Trương Ngọc T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, lúc nóng giận anh có đánh bạt tai chị H, anh nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng xét thấy vợ chồng mâu thuẫn chưa nghiêm trọng nên anh không đồng ý ly hôn chị H.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Mai Thị H với anh Trương Ngọc T phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, có lúc anh T còn đánh chị H. Hiện nay vợ chồng sống ly thân nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên chị H yêu cầu giải quyết ly hôn anh T. Đối với bị đơn anh Trương Ngọc T nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh T đều vắng mặt. Điều này cho thấy anh T bỏ mặc, không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Việc anh T không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Ngọc T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.4]. Về con chung:

Chị Mai Thị H với anh Trương Ngọc T có 03 người con chung tên là Trương Thị Kiều M, sinh ngày 05/8/2005, Trương Thị Thúy K, sinh ngày 05/8/2005 và Trương Đăng Kh, sinh ngày 31/3/2014. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường, cháu K, cháu Kh đang ở với chị H, cháu M đang ở với anh T. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu Kh, giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T cũng có nguyện vọng xin nhận nuôi cháu M, giao cháo K, cháu Kh cho chị H nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị H, anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Cháu K, cháu Kh hiện tại đang ở với chị H, cháu M đang ở với anh T. Tại biên bản lấy

lời khai cháu K, cháu Kh, cháu M ngày 21/6/2022 nguyện vọng cháu K, cháu Kh muốn ở với chị H, nguyện vọng cháu M muốn ở với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trương Thị Thúy K, sinh ngày 05/8/2005 và cháu Trương Đăng Kh, sinh ngày 31/3/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trương Thị Kiều M, sinh ngày 05/8/2005 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Mai Thị H phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị H về việc yêu cầu ly hôn anh Trương Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H được ly hôn anh Trương Ngọc T.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Mai Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thúy K, sinh ngày 05/8/2005 và Trương Đăng Kh, sinh ngày 31/3/2014. Giao cho anh Trương Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Kiều M, sinh ngày 05/8/2005. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 00... ngày ..... tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện Phù Cát (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Phù Cát;*
- *UBND xã B, H. T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh